



BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG TUẦN

17/11/2025 – 21/11/2025

Khối Nghiên cứu



MBS Head Office
MB Building, 21 Cat Linh, Dong Da, Hanoi, Vietnam
Tel: +84 24 7304 5688 Fax: +84 24 3726 2601
Web: www.mbs.com.vn

Hồi phục trong nghi ngờ

- Thị trường chứng khoán thế giới** chốt tuần trong sắc xanh dù áp lực điều chỉnh giảm ở 2 phiên cuối tuần. Chứng khoán Mỹ thoát hiểm khi nhà đầu tư bắt đáy các cổ phiếu công nghệ chủ chốt đã bị bán tháo trước đó, dù kỳ vọng về lãi suất dịch chuyển theo chiều hướng bất lợi. Các chỉ số thoát đáy khi các cổ phiếu công nghệ - nhóm bị bán mạnh nhất trong những phiên gần đây - được nhà đầu tư gom mua trở lại. Dẫn đầu sự hồi phục là những cổ phiếu trí tuệ nhân tạo (AI) đình đám như Nvidia và Oracle. Tính cả tuần, Nasdaq giảm 0,5%, nhưng S&P 500 và Dow Jones ghi nhận mức tăng tương ứng 0,1% và 0,3%. Có thể nói, mối lo về lãi suất và định giá cổ phiếu AI là hai nguồn áp lực giảm lớn nhất đối với chứng khoán Mỹ trong tuần này. **Dù vậy, việc Chính phủ Mỹ mở cửa trở lại sau hơn 6 tuần đóng đã phần nào giúp nâng đỡ giá cổ phiếu ở Phố Wall.** Ngày 12/11, Chính phủ Mỹ chính thức hoạt động trở lại sau 43 ngày đóng cửa - đợt đóng cửa dài nhất trong lịch sử - sau khi Hạ viện thông qua dự luật chi tiêu ngân sách mà Thượng viện đã phê chuẩn hôm 10/11 và Tổng thống Donald Trump ký ban hành luật vào tối cùng ngày. Ngày 14/11, Tổng thống Trump ký sắc lệnh miễn thuế đối ứng cho một loạt nông sản nhập khẩu như cà phê, cacao, chuối, thịt bò và một số loại phân bón. Đây chủ yếu là các mặt hàng Mỹ không sản xuất được hoặc sản xuất không đủ. Theo FedWatch Tool, thị trường lãi suất tương lai hiện chỉ còn đặt cược khả năng 46% Fed hạ lãi suất 0,25 điểm phần trăm trong cuộc họp tháng tới, từ mức hơn 50% của ngày hôm trước trên 70% vào tuần trước, và 95,5% cách đây 1 tháng.
- Đối với thị trường trong nước:** Chỉ số Vn-Index thoát đáy 1.600 điểm, cắt mạch giảm 4 tuần liên tiếp. Chốt tuần thứ 2 trong tháng 11, thị trường dừng ở 1.635,46 điểm, tăng +36,36 điểm (+2,3%) so với tuần trước, mức thấp nhất trong tuần vừa qua, thị trường đã mất hơn 216 điểm (-12%) kể từ đỉnh. Nhóm cổ phiếu Midcap và Vn30 đều hồi phục +2,6%, trong khi Smallcap chỉ có mức tăng +1,7%.
- Độ rộng thị trường** ghi nhận một tuần hồi phục trên diện rộng, một số nhóm cổ phiếu có mức tăng nổi bật như: Bảo hiểm (+8,8%), Thực phẩm (+7,5%), Bán lẻ (+5,5%), Bất động sản (+4,7%), ... Trong khi mức giảm tập trung ở một số nhóm cổ phiếu như: Công nghệ (-1%), Hàng không (-0,7%).
- Thanh khoản toàn thị trường** tuần vừa qua còn 23.689 tỷ đồng, giảm -17,5% so với tuần trước đó, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng sụt -21,3% còn 20.948 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản kể từ đầu tháng 11 giảm -29% so với mức bình quân trong tháng 10 vừa qua, nhưng vẫn cao hơn +66% so với cùng kỳ. Lũy kế từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường đạt 29.300 tỷ đồng, tăng +38,7% so với mức bình quân năm 2024, và tăng +36% so với cùng kỳ.
- Khối ngoại** bán ròng -2.746 tỷ đồng, đánh dấu tuần bán ròng thứ 17 liên tiếp, lũy kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng -134.076 tỷ đồng, vượt kỷ lục bán ròng năm ngoái (-92.600 tỷ đồng). Tuần vừa qua, khối ngoại mua ròng đối với: VNM (+748 tỷ đồng), HPG (+731 tỷ đồng), FPT (+429 tỷ đồng), trong khi bán ròng STB (-859 tỷ đồng), VCI (-624 tỷ đồng), HDB (-572 tỷ đồng), ... Tự doanh các công ty chứng khoán tuần vừa qua mua ròng đối với các cổ phiếu như: GEE (+489 tỷ đồng), CII (+248 tỷ đồng), MSN (+200 tỷ đồng), ... trong khi bán ròng đối với các cổ phiếu khác như: VPB (-785 tỷ đồng), FPT (-480 tỷ đồng), EIB (-34 tỷ đồng).

Hồi phục trong nghi ngờ

- **Nhận định thị trường:** Chỉ số Vn-Index lấy lại ngưỡng hỗ trợ 1.600 điểm bằng tuần tăng trên diện rộng, qua đó cắt mạch giảm 4 tuần liên tiếp. Thanh khoản giảm về mức thấp nhất 5 tháng vừa qua phù hợp với quá trình test cung của thị trường sau mức giảm hơn 216 điểm. Chúng tôi đánh giá thị trường quay lại vùng tích lũy (trên ngưỡng 1.600 điểm) có thể mở ra cơ hội hồi phục về vùng cận trên 1.730 điểm trong bối cảnh nền tảng vĩ mô cũng như chính sách hỗ trợ tăng trưởng đang được đẩy mạnh. Tuy vậy, nhà đầu tư cũng nên thận trọng với các rủi ro như: Tỷ giá USD/VND tiếp tục tăng (hiện 26.350 liên ngân hàng, 27.835 tự do) do USD mạnh và nhu cầu ngoại tệ cao, có thể đẩy lạm phát lên và ép lãi suất tăng, ảnh hưởng thanh khoản thị trường. Bên cạnh đó, lãi suất ngắn hạn giảm nhưng 6 tháng tăng lên 6,55%, cộng khối ngoại bán ròng và rủi ro thuế quan Mỹ, gây rung lắc VN-Index quanh 1.650-1.680 điểm với thanh khoản yếu. Các điểm nhấn chính nhà đầu tư cần lưu ý:
- **Thứ nhất,** Đầu tư công bùng nổ quý IV và mục tiêu tăng trưởng GDP “10%+” năm 2026 vừa được Quốc hội thông qua – bệ đỡ cho phục hồi: Mục tiêu tăng trưởng 2026 phấn đấu từ 10% trở lên, GDP đầu người 5.400-5.500 USD – bài kiểm tra nội lực và sáng tạo. Bên cạnh đó, Thủ tướng chỉ đạo tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ hạ tầng phục vụ APEC 2027. Ngoài ra, đàm phán thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ đạt tiến bộ lớn, tạo đà sớm hoàn tất Hiệp định, mở rộng thị trường xuất khẩu. Do vậy, chúng tôi cho rằng: đầu tư công + thương mại là cú hích kép, giúp Vn-Index củng cố vùng 1.600-1.620 điểm và hướng lên 1.700 điểm ngắn hạn.
- **Thứ hai,** Dòng tiền nội “im lặng” nhưng hiệu quả – thanh khoản thấp là tín hiệu test cung thành công, mở đường cho nhịp hồi phục bền: Tuần qua, thanh khoản khớp lệnh chỉ 20.948 tỷ đồng (-21,3%) – mức thấp nhất 5 tháng, nhưng độ rộng thị trường tích cực với hơn 87% số nhóm cổ phiếu tăng điểm. Đây không phải dấu hiệu tiêu cực mà là đặc trưng của nhịp hồi phục trong nghi ngờ: Dòng tiền lớn chưa quay lại, nhưng nhà đầu tư cá nhân và tự doanh đã âm thầm gom hàng ở vùng giá thấp (đặc biệt nhóm Chứng khoán, xây dựng và VLXD, Hóa chất, Logistics, v...). Nếu loại trừ Vingroup, Vn-Index thực tế đã về vùng 1.400 - 1.420 điểm – mức khởi phát nhịp tăng đầu năm – và đã bật lên +3,6% từ đáy tuần. Chúng tôi đánh giá: Thanh khoản thấp + độ rộng tốt = nền tảng vững cho nhịp tăng tiếp theo, có thể kéo dài 2-3 tuần với mục tiêu 1.680 – 1.700 điểm trước khi cần dòng tiền lớn xác nhận.
- **Thứ ba,** yếu tố mùa vụ ủng hộ phục hồi ngắn hạn, vùng 1.600 – 1.620 điểm là “vùng tích lũy chiến lược” – chỉ số Vn-Index đã lấy lại ngưỡng MA100 (theo ngày). Vùng 1.600 – 1.620 điểm hiện hội tụ: Đáy cũ tháng 8-9 (hỗ trợ tâm lý) cùng MA100, bên cạnh đó vùng tích lũy 3 tháng với 3 lần test thành công. Đáng chú ý hơn cả là vòng bắt đáy T+ tuần vừa qua đem lại biên lợi nhuận khá tích cực, khác với lần bắt đáy khi Vn-Index về ngưỡng 1.600 điểm ở tuần trước đó. Nếu chỉ số duy trì đóng cửa trên 1.630 điểm cuối tuần này, xác suất test 1.700 điểm có khả năng tăng lên 75%. Ngược lại, thủng 1.580 điểm kèm thanh khoản >30.000 tỷ sẽ đưa đến cảnh báo rủi ro điều chỉnh sâu.
- **Chiến lược giao dịch:** Nâng tỷ trọng danh mục đối với cổ phiếu trên 50%. Tập trung danh mục ở nhóm cổ phiếu đã giảm sâu như chứng khoán, bất động sản, ngân hàng, công nghệ, bên cạnh đó là các nhóm cổ phiếu hàng hóa như: dầu khí, thép, hóa chất, thủy sản, cao su tự nhiên.

Danh mục cổ phiếu tiêu biểu - Tháng 11 2025



STT	Cổ phiếu	Vốn hóa (Tỷ VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá	Tăng trưởng LN 2025	P/E 2025	P/B 2025	Luận điểm đầu tư
1	CTG	273,870	65,600	33.3%	20.2%	8.7	1.6	Hưởng lợi từ việc đẩy mạnh đầu tư công nửa cuối năm 2025 nhằm hoàn thành kế hoạch cả năm. NIM được duy trì tốt hơn so với các ngân hàng tư nhân nhờ chi phí vốn thấp hơn. Chi phí dự phòng cao của năm trước tạo ra tiềm năng lớn cho tăng trưởng lợi nhuận 2025.
2	ACB	130,471	33,400	33.1%	2.3%	7.6	1.4	Tín dụng SME và bán lẻ phục hồi mạnh hơn trong năm 2026, hỗ trợ biên lãi ròng (NIM) hồi phục. Chất lượng tài sản vượt trội giúp duy trì chi phí tín dụng ở mức thấp. Định giá hấp dẫn so với các doanh nghiệp cùng ngành.
3	GVR	112,400	34,300	21.0%	61.0%	17.2	1.9	Chúng tôi cho rằng cổ phiếu GVR đang ở mức định giá khá hấp dẫn, nhờ sở hữu nhiều triển vọng tăng trưởng dài hạn đến từ: (1) tình trạng thiếu hụt nguồn cung cao su, (2) các khu công nghiệp mới, và (3) chuyển đổi đất cao su sang đất khu công nghiệp. Động lực tăng trưởng chính đến từ các KCN mới: KCN NTU 3 dự kiến mang lại khoản lợi nhuận đột biến do được ghi nhận một lần thay vì phân bổ dần theo thời hạn thuê. Các KCN mới như Hiệp Thành, Rạch Bắp giai đoạn 2, Bắc Đồng Phú mở rộng, Nam Đồng Phú mở rộng và Minh Hưng 3 giai đoạn 2 sẽ bổ sung quỹ đất mới cho sự phát triển dài hạn của GVR.
4	VRE	81,690	42,000	21.4%	59.0%	12.8	1.7	VRE dự kiến ghi nhận khoản lợi nhuận đột biến khoảng 1.900 tỷ đồng từ thương vụ bán Vincom NCT trong quý 4/2025, qua đó giúp lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ cả năm ước đạt 6.516 tỷ đồng (+59% so với cùng kỳ). Sang năm 2026, công ty sẽ khai trương Vincom Plaza Đan Phượng, dự kiến bổ sung thêm khoảng 90.000 m² diện tích sàn bán lẻ, góp phần thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận của VRE.
5	PDR	22,536	27,900	19.2%	477.0%	25.2	1.7	Dòng tiền dự kiến được cải thiện nhờ khoản thoái vốn tại Thuận An 1 & 2 trong 2H25 và 2026; tăng trưởng LN ròng được kỳ vọng đến từ hoạt động kinh doanh cốt lõi thay vì thu nhập tài chính như giai đoạn 2021-2024; PDR đã được phê duyệt hai dự án nằm trong danh mục thí điểm theo Nghị quyết 171/2024/QH15, với tổng diện tích khoảng 45 ha (Khu phức hợp cao tầng Phú Hòa và Khu phức hợp cao tầng Tương Bình Hiệp). Đây là hai dự án có quy mô tương đối lớn và dự kiến được triển khai trong giai đoạn 2025-2033.
6	BSR	86,126	18,700	12.7%	223.7%	41.5	1.5	Giá dầu thô ở mức thấp cùng với biên lọc dầu tăng được kỳ vọng sẽ giúp BSR cải thiện biên lợi nhuận trong quý 4, nhờ chi phí đầu vào giảm và nhu cầu nhiên liệu nội địa tăng mạnh vào cuối năm. PVN đang có kế hoạch thoái 1 phần vốn tại BSR để đảm bảo tỷ lệ tự do chuyển nhượng tối thiểu 10%, nếu hoàn thành trong Quý 4 này, BSR có thể gia nhập VN30 vào Q1/2026.

Danh mục cổ phiếu tiêu biểu - Tháng 11 2025



STT	Cổ phiếu	Vốn hóa (Tỷ VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá	Tăng trưởng LN 2025	P/E 2025	P/B 2025	Luận điểm đầu tư
7	PVD	11,368	28,700	41.7%	24.0%	13.1	0.7	PVD có tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận tốt nhờ nhu cầu phát triển các dự án dầu khí mới tại Việt Nam và khu vực Đông Nam Á, trong bối cảnh không có giàn khoan mới nào được bổ sung vào thị trường. Gần đây, PVD đã mua thêm hai giàn khoan là PVD VIII (dự kiến đưa vào vận hành cuối tháng 8/2025) và PVD IX (dự kiến vận hành vào đầu quý 2/2026).Chúng tôi kỳ vọng các giàn khoan này sẽ ký được hợp đồng với mức giá thuê ngày đang ở mức cao.
8	HAH	10,469	84,000	34.0%	102.4%	7.9	2.0	Chúng tôi kỳ vọng LN ròng sẽ tăng lần lượt 102% và 11% trong giai đoạn 2025–2026, chủ yếu nhờ việc mở rộng đội tàu và phát triển các tuyến dịch vụ mới, kết hợp với giá thuê tàu duy trì ở mức cao so với cùng kỳ năm trước. HAH đang tiếp tục mở rộng đội tàu khai thác nhằm đáp ứng nhu cầu vận tải gia tăng, bất chấp tác động từ các mức thuế quan, trong bối cảnh các quốc gia nội Á đang mở rộng thị trường xuất khẩu. Việt Nam vẫn duy trì mức thuế cạnh tranh so với các nước trong khu vực, trong khi sự phục hồi của thị trường bất động sản phía Nam góp phần thúc đẩy nhu cầu vận chuyển vật liệu xây dựng.
9	HDG	11,432	40,200	29.7%	129.0%	17.1	1.8	Sản lượng thủy điện dự kiến duy trì ở mức cao trong quý 4, được hỗ trợ bởi sự trở lại của hiện tượng La Nina và mưa lớn thường xuyên tại khu vực miền Trung. Doanh nghiệp duy trì kế hoạch bàn giao 20–25 căn hộ thuộc giai đoạn 3 dự án Charm Villa trong quý 4, với giá bán tăng lên 250–270 triệu đồng/m², hướng tới doanh thu khoảng 800 tỷ đồng theo kế hoạch của ban lãnh đạo. Điều này sẽ tạo cú hích lớn cho tăng trưởng lợi nhuận, đặc biệt khi nền so sánh năm trước ở mức thấp.
10	CTR	10,501	123,000	30.9%	13.5%	17.1	4.9	Tăng trưởng lợi nhuận cho thấy sự phục hồi rõ rệt trong quý 3, được thúc đẩy bởi mảng TowerCo và sự khởi sắc của mảng xây dựng dân dụng nhờ thị trường bất động sản ấm lên. Chiến lược mở rộng hoạt động ra ngoài Tập đoàn Viettel đang mang lại kết quả tích cực. Cổ phiếu hiện có tỷ lệ rủi ro/lợi nhuận hợp lý và biên an toàn cao. Với mức P/E hiện tại 17,6 lần (thấp hơn khoảng 25% so với trung bình 2 năm), đây có thể là lựa chọn phù hợp trong bối cảnh thị trường ưu tiên các doanh nghiệp chưa tăng giá và có triển vọng tăng trưởng lợi nhuận tốt.

Các sự kiện chính trong tuần này (17/11 – 21/11)

Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu
17	18	19	20	21
 Nhật Bản: Tăng trưởng GDP sơ bộ (Q3)		 Anh: Chỉ số giá tiêu dùng (tháng 10)  Châu Âu: Chỉ số giá tiêu dùng (tháng 10)	 Mỹ: Biên bản họp của FOMC  Trung Quốc: Quyết định về lãi suất cho vay cơ bản của PBOC  Mỹ: Doanh số bán nhà hiện tại (tháng 10)  Mỹ: Chỉ số sản xuất Fed Philadelphia (tháng 11)	 Nhật Bản: Chỉ số giá tiêu dùng (tháng 10)  Mỹ: Chỉ số tâm lý tiêu dùng của đại học Michigan (tháng 11)  Mỹ: Chỉ số PMI sơ bộ (tháng 11)  Châu Âu: Chỉ số PMI sơ bộ (tháng 11)  Anh: Chỉ số PMI sơ bộ (tháng 11)

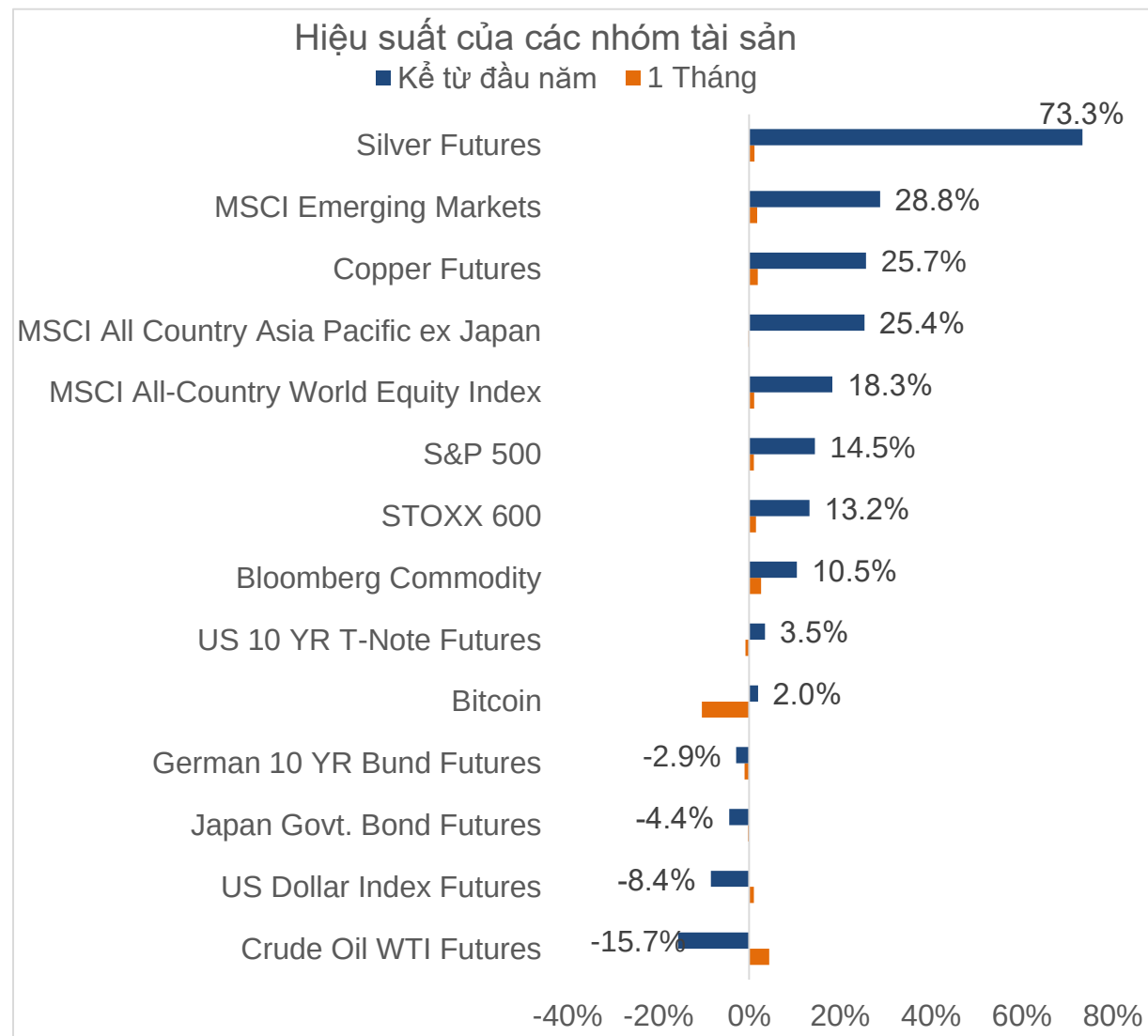
Nguồn: Bloomberg, MBS Research

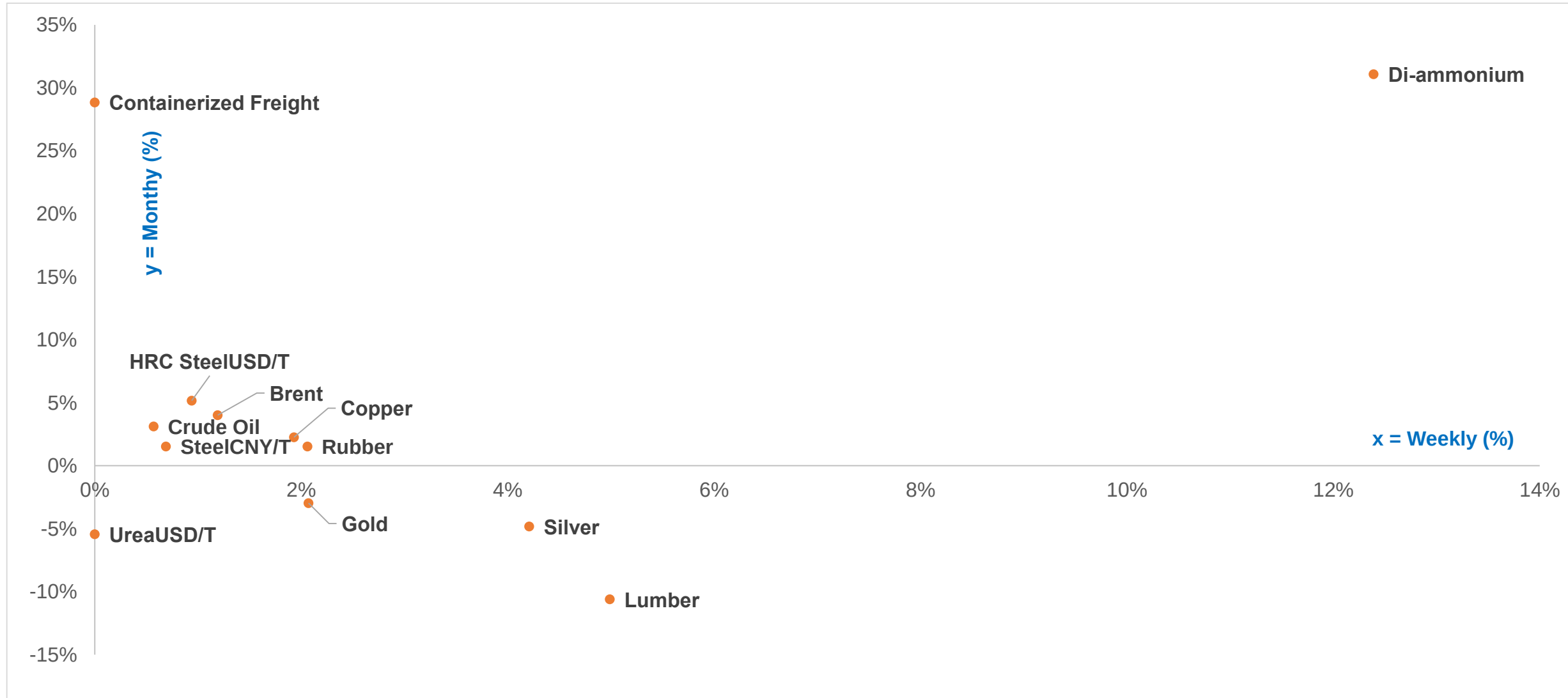
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

Diễn biến các chỉ số chứng khoán tuần qua

Index	Last	1 Week	1 Month	YTD	1 Year
Global	995.43	0.4%	1.1%	18.3%	18.1%
Dow Jones	47,147.48	0.3%	2.1%	10.8%	8.5%
S&P 500	6,734.11	0.1%	1.1%	14.5%	14.7%
Europe	574.81	1.8%	1.5%	13.2%	14.3%
Japanese	50,376.53	-0.9%	5.9%	26.3%	30.4%
Korea	4,011.57	1.5%	7.0%	67.2%	66.0%
China	3,990.49	-0.2%	3.9%	19.1%	19.8%
HongKong	26,572.46	1.3%	5.3%	32.5%	36.8%
Taiwan	27,397.50	-0.9%	0.4%	18.9%	20.5%
Indian	25,910.05	1.6%	0.8%	9.6%	10.1%
Singapore	4,546.07	1.2%	5.0%	20.0%	21.4%
Malaysia	1,625.67	0.4%	1.2%	-1.0%	2.1%
Indonesia	8,370.44	-0.3%	5.8%	18.2%	16.9%
Thailand	1,269.26	-2.6%	-0.4%	-9.4%	-12.0%
Philippine	5,584.35	-3.0%	-8.3%	-14.5%	-16.4%
Vn-Index	1,635.46	2.3%	-5.5%	29.1%	34.2%
VN30	1,871.54	2.6%	-5.3%	39.2%	47.2%
VN100	1,780.35	2.6%	-6.7%	33.9%	41.3%
Vn Midcap	2,296.95	2.6%	-9.3%	20.9%	26.0%
VN Smallcap	1,529.98	1.7%	-1.9%	5.4%	10.9%
Brent Oil	64.39	1.2%	5.1%	-13.7%	-9.4%
Crude Oil WTI	60.09	0.6%	4.4%	-15.7%	-10.2%
Gold	4,094.20	2.1%	-2.8%	55.0%	59.3%
Dollar Index	99.20	-0.3%	1.0%	-8.4%	-7.0%

Nguồn: Update 16/11, Investing, MBS Research





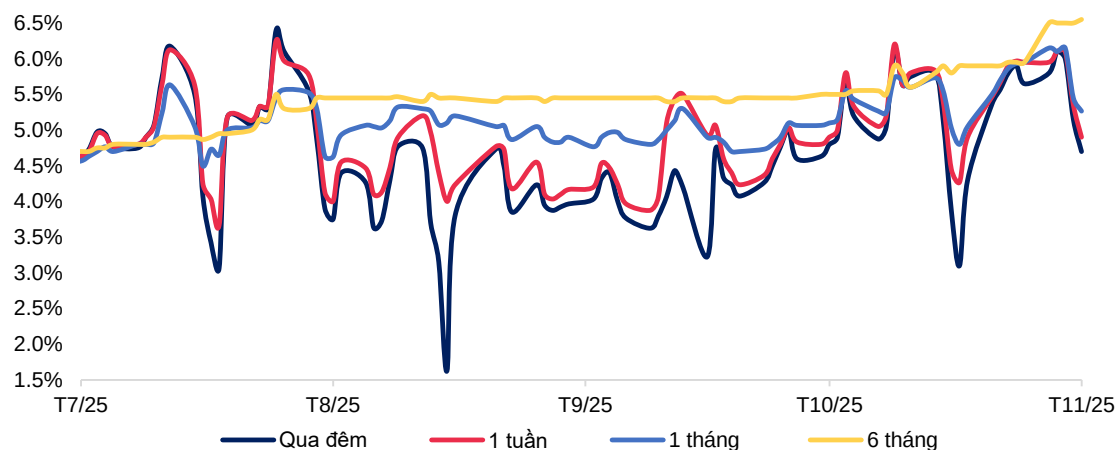
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Lãi suất

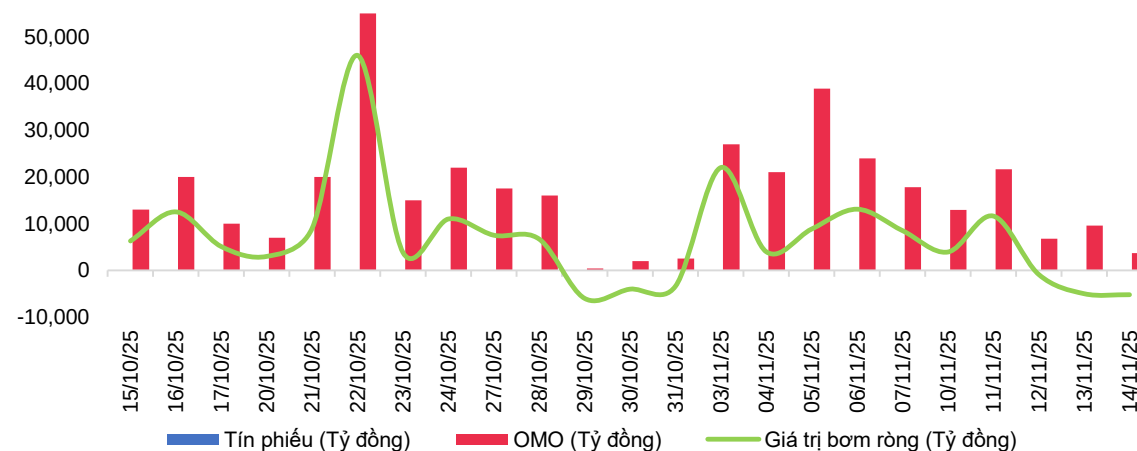
- Trong tuần 10 - 14/11, NHNN bơm ròng hơn 4.5 nghìn tỷ đồng (-92% so với mức bơm ròng của tuần trước). Cụ thể, có gần 54.6 nghìn tỷ trúng thầu trên kênh OMO với kỳ hạn từ 7 - 105 ngày và lãi suất 4%. Đáng chú ý, NHNN có động thái mới kể từ phiên ngày 11/11 khi chào thầu nghiệp vụ thị trường mở với kỳ hạn lên đến 105 ngày. Việc tăng kỳ hạn sẽ giúp lượng tiền hỗ trợ được duy trì lâu hơn, qua đó giúp ổn định mặt bằng thanh khoản và lãi suất liên NH trong thời gian tới. Cùng với đó, khối lượng đáo hạn trên kênh cho vay cầm cố giấy tờ có giá trong kỳ đạt hơn 50 nghìn tỷ đồng. Tính đến thời điểm hiện tại khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố là gần 285.4 nghìn tỷ đồng và không còn tín phiếu lưu hành trên thị trường.
- Mặt bằng lãi suất liên NH nhìn chung đã hạ nhiệt về cuối tuần, song hiện vẫn duy trì ở mức cao. Cụ thể, lãi suất liên NH kỳ hạn qua đêm từ mức 5.65% ở cuối tuần trước đã bật tăng lên mức 6.1% vào ngày 11/11, trước khi giảm về mức 4.7% vào cuối tuần này. Các kỳ hạn từ 1 tuần - 1 tháng dao động trong khoảng 4.9% - 5.3% (giảm 0.7 - 1.05 điểm phần trăm so với cuối tuần trước). Trái ngược lại, lãi suất kỳ hạn 6 tháng tăng 0.6 điểm phần trăm trong tuần, hiện ở mức 6.55%.

Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Thị trường mở

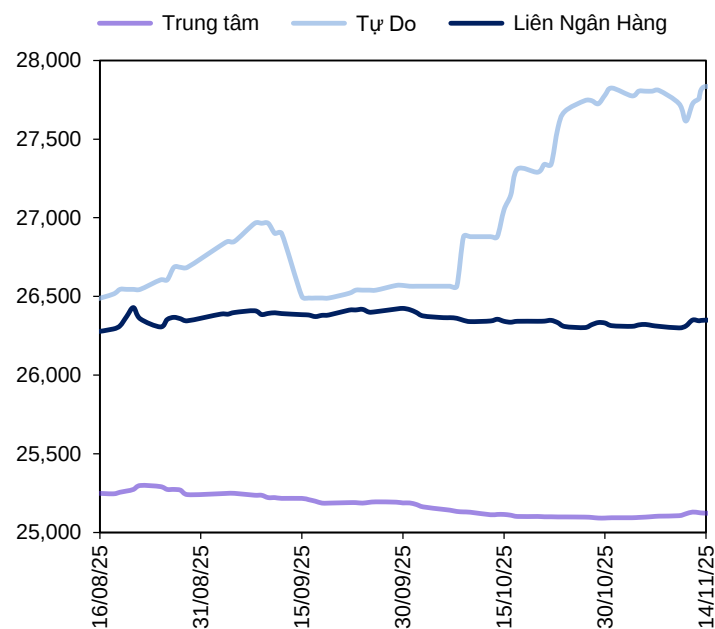


Nguồn: NHNN, MBS Research

Thị trường ngoại hối và trái phiếu

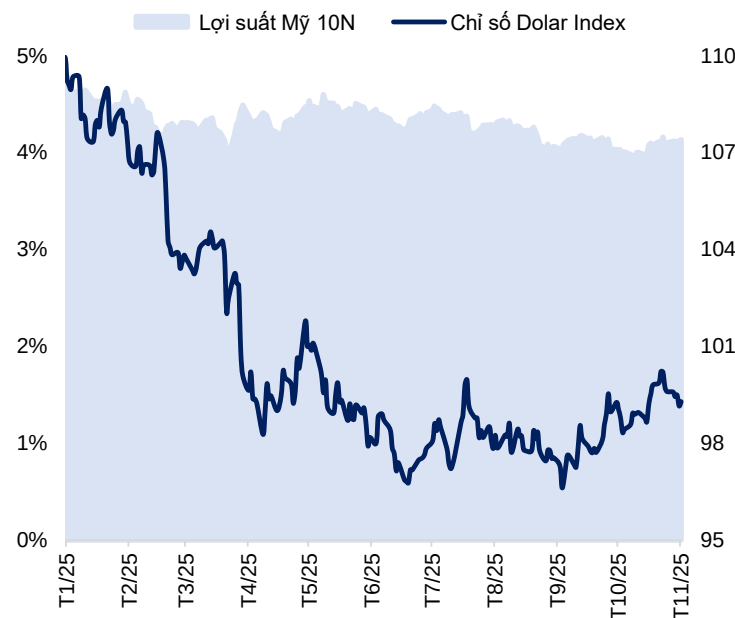
Tuần qua, Tổng thống Donald Trump đã ký thông qua gói chi tiêu, chính thức khép lại đợt đóng cửa Chính phủ liên bang dài nhất lịch sử Mỹ. Chỉ số DXY giảm xuống 99.17 vào ngày thứ Năm, do lo ngại việc chính phủ Mỹ mở cửa trở lại sẽ công bố các dữ liệu kinh tế bị trì hoãn, có thể phản ánh sự suy yếu của nền kinh tế Mỹ, từ đó thúc đẩy Fed tiếp tục hạ lãi suất. Tuy nhiên, Đồng bạc xanh đã phục hồi nhẹ, kết tuần ở mức 99.27, sau khi nhiều Chủ tịch Fed bày tỏ quan điểm duy trì lãi suất ổn định, khiến xác suất Fed cắt giảm lãi suất tại cuộc họp FOMC tháng tới giảm xuống còn 42%, từ mức 70% của tuần trước. Trong nước, tỷ giá USD/VND liên NH tăng nhẹ so với cuối tuần trước lên mức 26,350 VND/USD (+3.5% so với đầu năm). Tỷ giá trung tâm cũng nhích 0.08%, lên mức 25,122 VND/USD (+3.2% so với đầu năm). Ở chiều ngược lại, tỷ giá trên thị trường tự do giảm 0.2% trong tuần về mức 27,760 VND/USD (+7.8% so với đầu năm).

Tỷ giá USD/VND



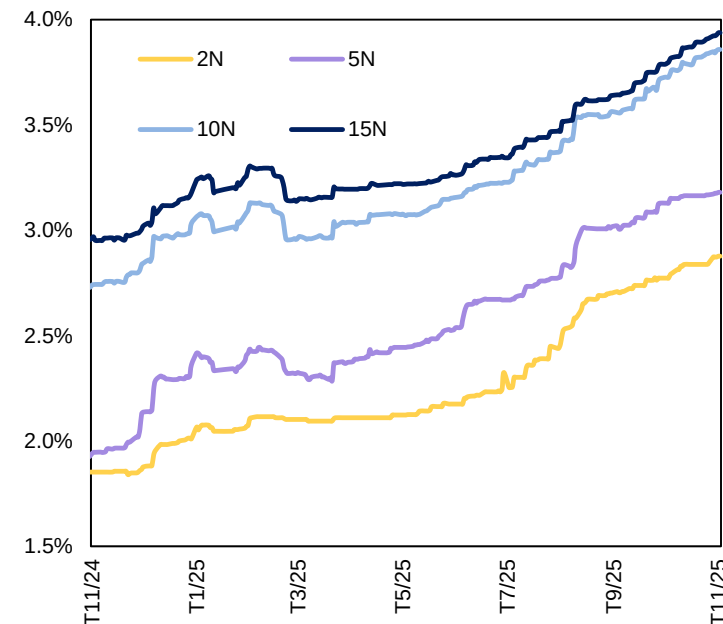
Nguồn: NHNN, Bloomberg, MBS Research

Chỉ số Dolar index và lợi suất TPCP Mỹ 10N



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Lợi suất TPCP



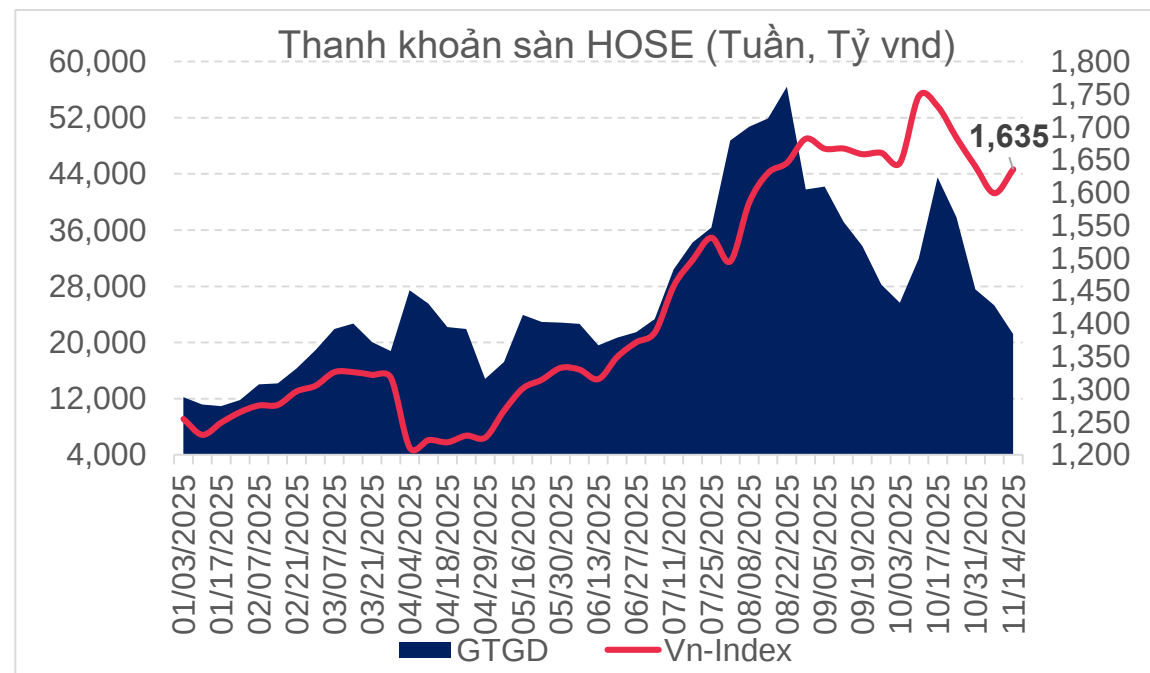
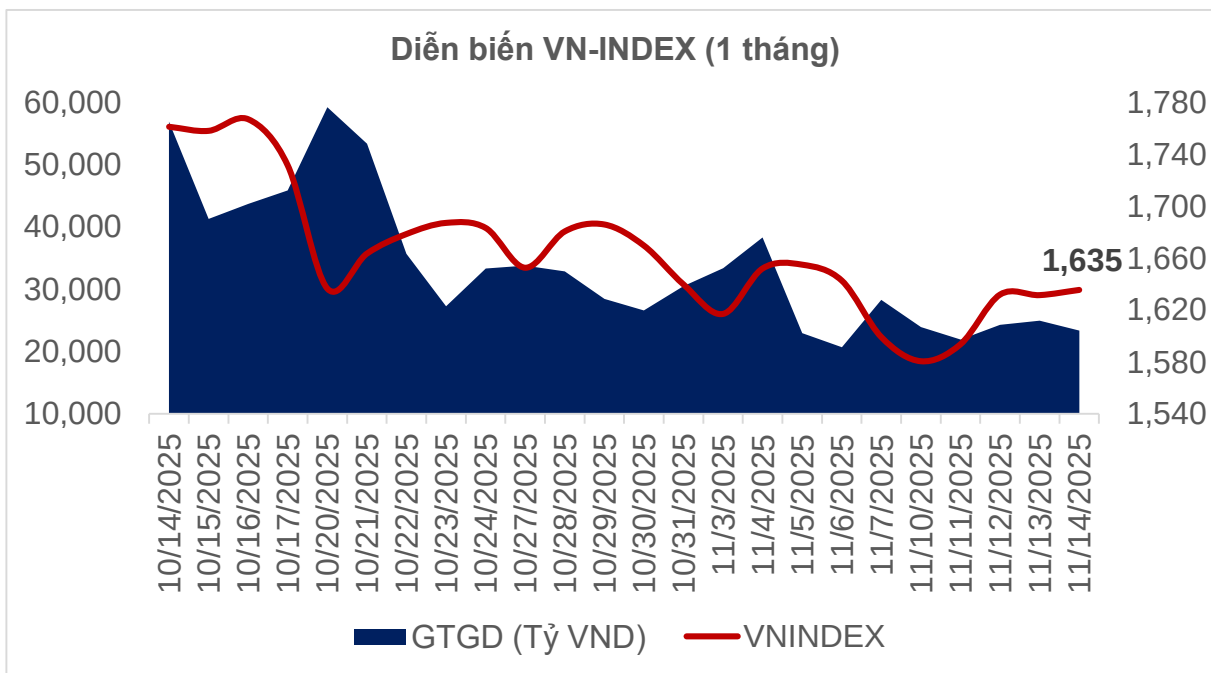
Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Chỉ số Vn-Index thoát đáy 1.600 điểm, cắt mạch giảm 4 tuần liên tiếp

Chỉ số Vn-Index thoát đáy 1.600 điểm, cắt mạch giảm 4 tuần liên tiếp. Chốt tuần thứ 2 trong tháng 11, thị trường dừng ở 1.635,46 điểm, tăng +36,36 điểm (+2,3%) so với tuần trước, mức thấp nhất trong tuần vừa qua, thị trường đã mất hơn 216 điểm (-12%) kể từ đỉnh. Nhóm cổ phiếu Midcap và Vn30 đều hồi phục +2,6%, trong khi Smallcap chỉ có mức tăng +1,7%.

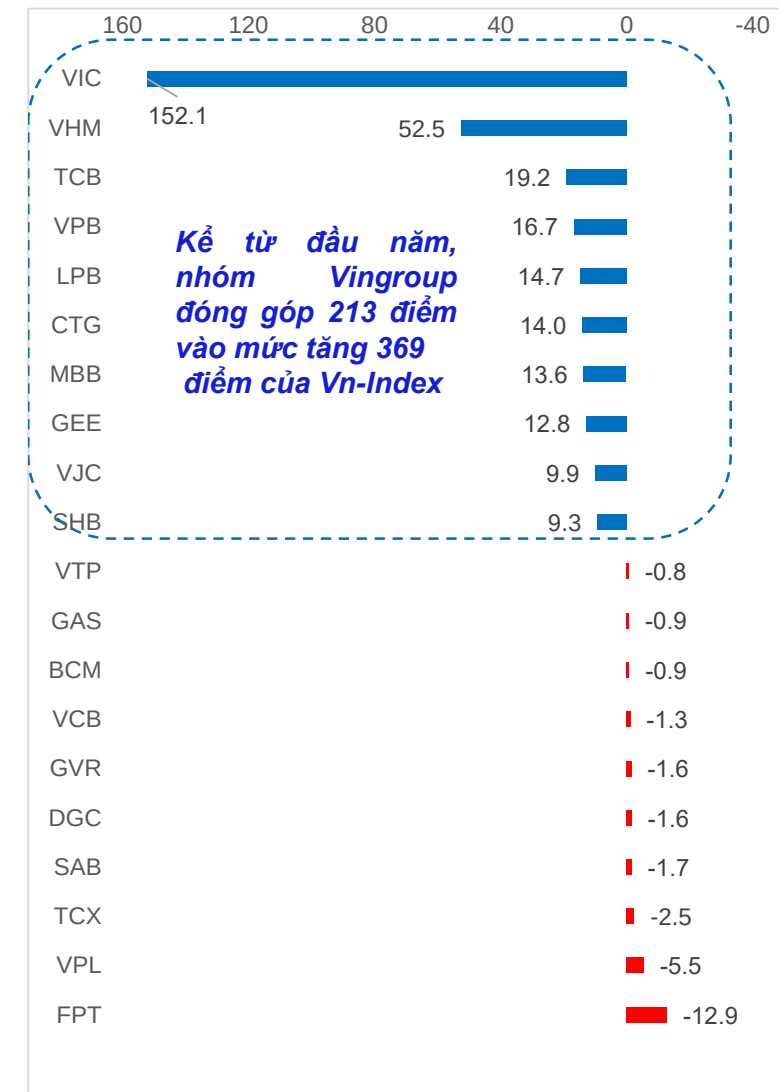
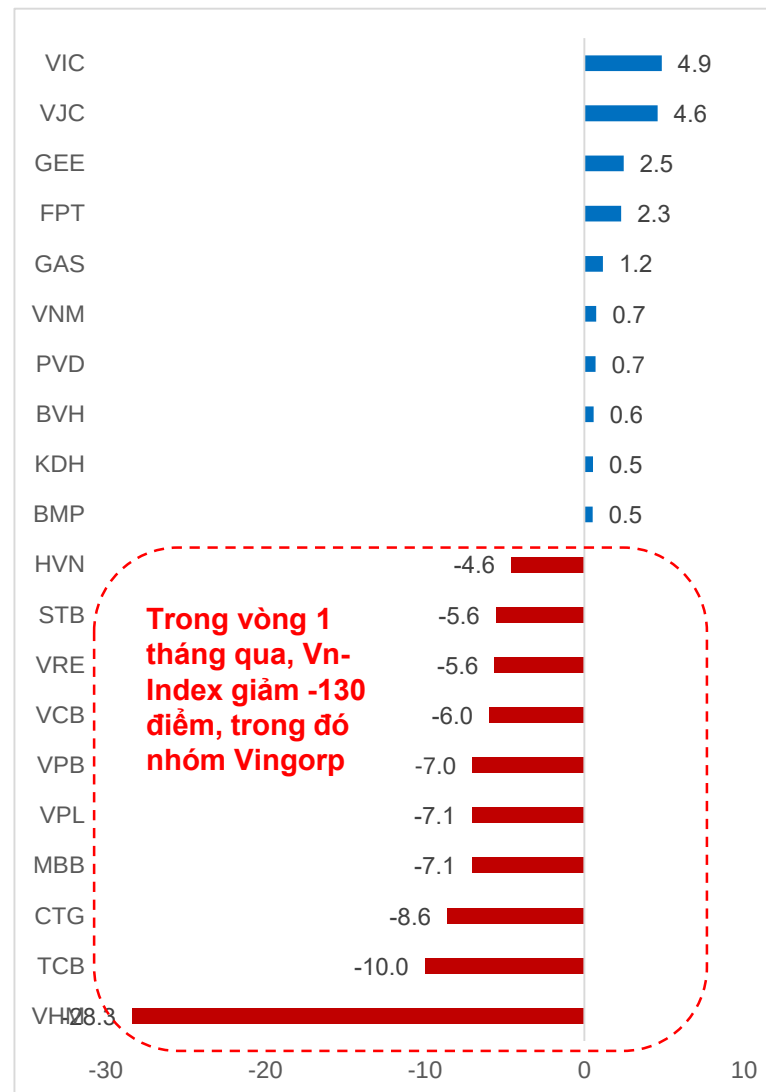
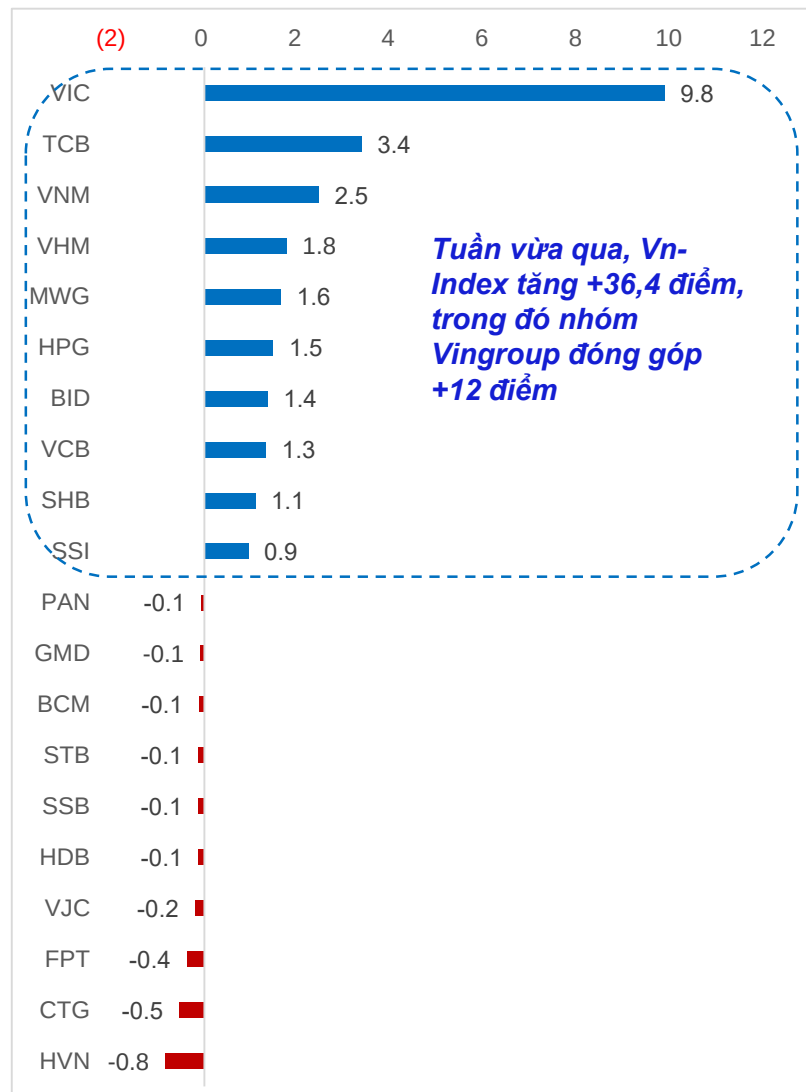
Độ rộng thị trường ghi nhận một tuần hồi phục trên diện rộng, một số nhóm cổ phiếu có mức tăng nổi bật như: Bảo hiểm (+8,8%), Thực phẩm (+7,5%), Bán lẻ (+5,5%), Bất động sản (+4,7%), ... Trong khi mức giảm tập trung ở một số nhóm cổ phiếu như: Công nghệ (-1%), Hàng không (-0,7%).

Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua còn 23.689 tỷ đồng, giảm -17,5% so với tuần trước đó, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng sụt -21,3% còn 20.948 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản kể từ đầu tháng 11 giảm -29% so với mức bình quân trong tháng 10 vừa qua, nhưng vẫn cao hơn +66% so với cùng kỳ. Lũy kế từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường đạt 29.300 tỷ đồng, tăng +38,7% so với mức bình quân năm 2024, và tăng +36% so với cùng kỳ.



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

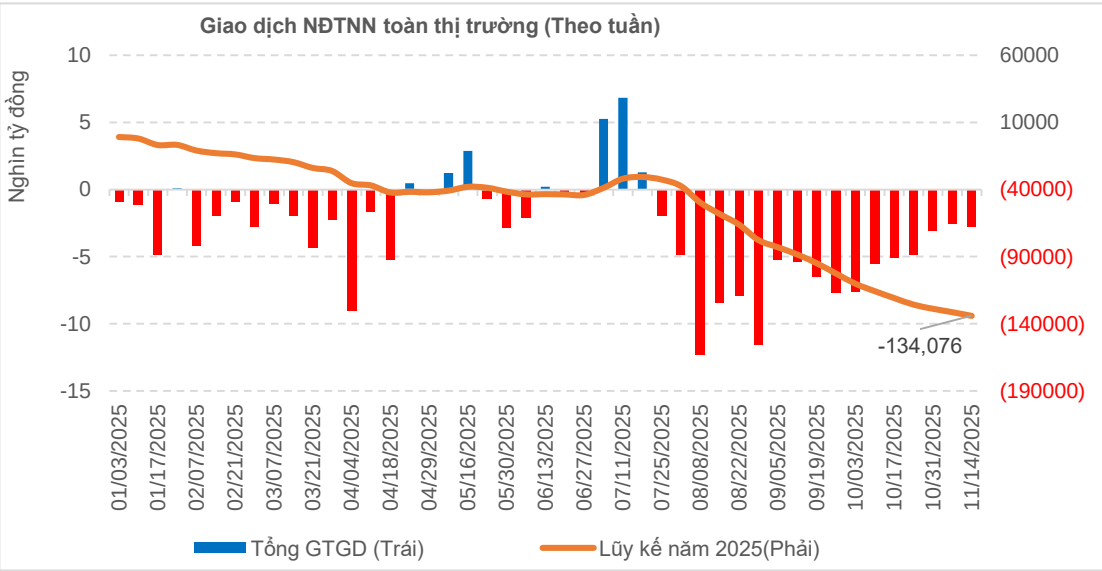
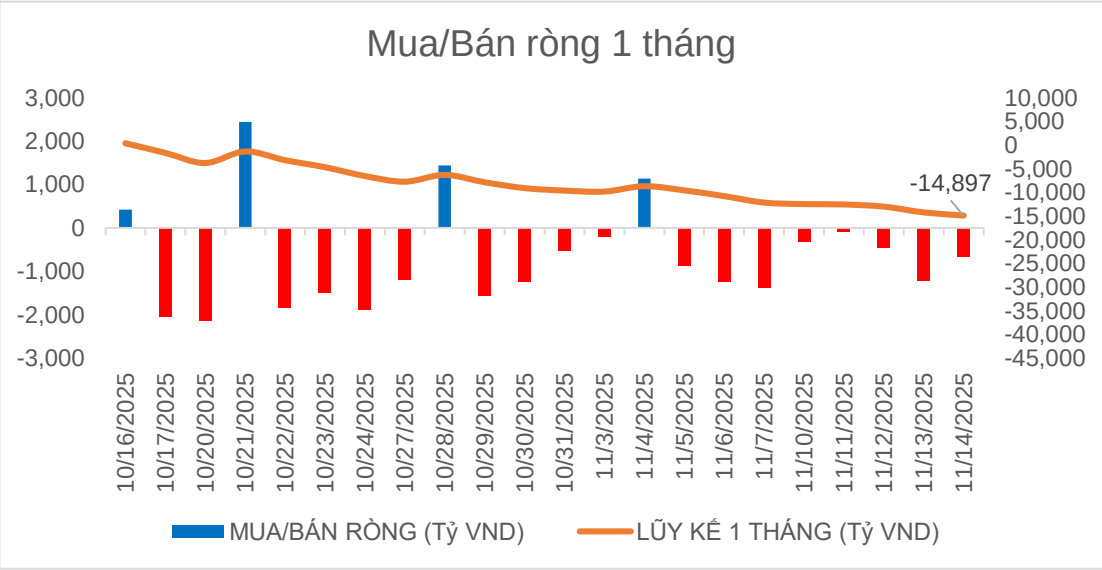
Top cổ phiếu ảnh hưởng đến chỉ số VN-Index



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Khối ngoại bán ròng -2.746 tỷ đồng, đánh dấu tuần bán ròng thứ 17 liên tiếp, lũy kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng -134.076 tỷ đồng



Dòng vốn đầu tư quốc tế ở khu vực Châu Á (Triệu USD)

Country	Date	Daily	WTD	MTD	QTD	YTD	12M
Asia (11)							
China	30-Sep-25			20,370	68,829	96,225	53,539
India	12-Nov-25	-52	-374	-63	1,191	-16,262	-14,783
Indonesia	13-Nov-25	174	234	442	1,224	-2,084	-2,998
Japan	7-Nov-25		-2,264	-2,264	45,293	40,934	27,671
Malaysia	13-Nov-25	14	123	103	-544	-4,287	-5,489
Philippines	13-Nov-25	-2	6	83	-17	-668	-956
S. Korea	14-Nov-25	-1,837	-1,196	-6,245	-2,219	-2,843	-6,573
Sri Lanka	13-Nov-25	-2.6	-4.1	-8	-27	-116	-130
Taiwan	13-Nov-25	-102	-1,029	-4,588	-7,018	258	-5,174
Thailand	13-Nov-25	-1	-152	-191	-327	-3,208	-3,730
Vietnam	13-Nov-25	-37	-61	-140	-982	-4,708	-5,054

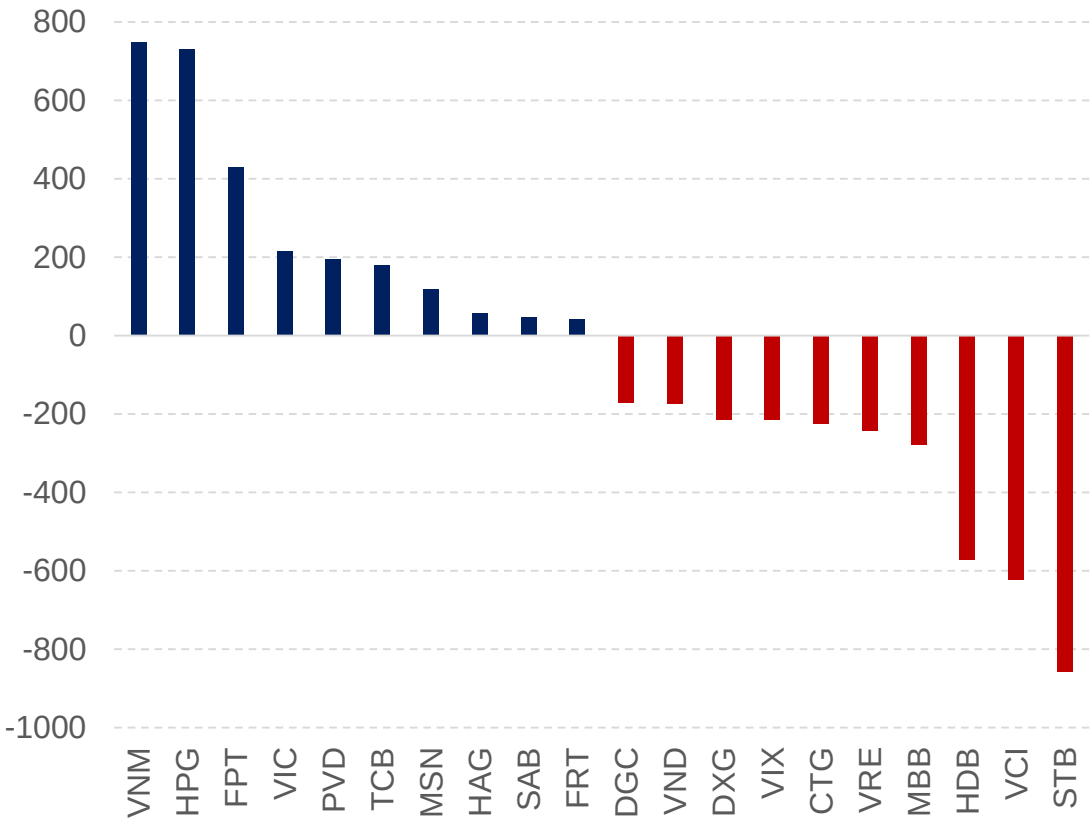
Nguồn: Bloomberg, MBS Research

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



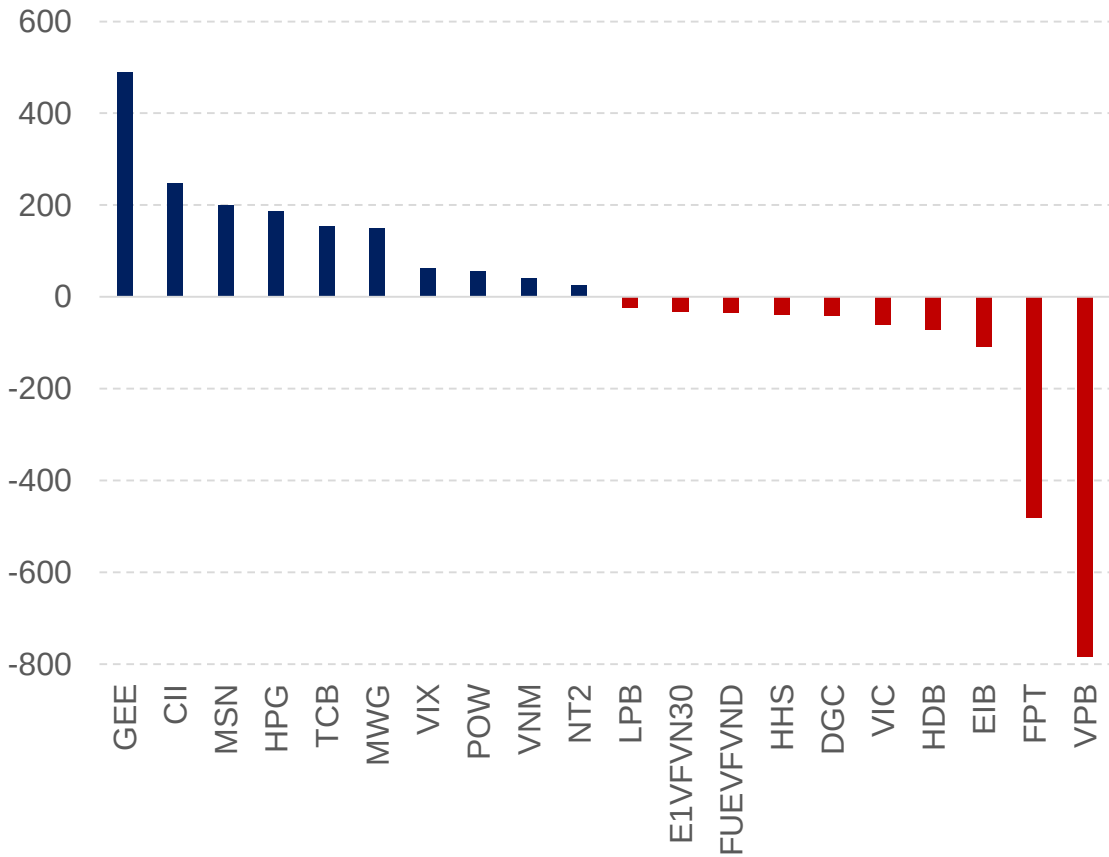
Top cổ phiếu được khối ngoại và tự doanh Mua/Bán ròng trên sàn HOSE (Tỷ VND)

Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng trên sàn HOSE tuần vừa qua (Tỷ VND)



Nguồn: FinX, MBS Research

Top cổ phiếu được tự doanh ròng trên sàn HOSE tuần vừa qua (Tỷ VND)



Nguồn: FinX, MBS Research

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Các quỹ ETF có hiệu suất khá tích cực, Diamond giải ngân trở lại trong tháng 10 vừa qua

	Fund Assets (M USD)	NAV Currency	NAV	MTD Return	YTD Return	1 Yr Return	1W Flow (M USD)	1M Flow (M USD)	3M Flow (M USD)	YTD Flow (M USD)	1Y Flow (M USD)
Fubon FTSE Vietnam ETF	450.4	TWD	16.2	-0.3%	39.1%	39.0%	0.00	-9.57	-115.77	-321.90	-331.46
DCVFMVN30 ETF Fund	222.1	VND	33,076.9	-2.9%	41.2%	44.8%	0.13	-2.21	-35.76	-115.26	-131.60
VanEck Vietnam ETF	555.1	EUR	--	-5.4%	29.1%	27.7%	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
DCVFMVN Diamond ETF	502.2	VND	37,932.6	-3.1%	13.2%	17.6%	1.12	5.35	-29.70	-35.11	-41.44
CGS Fullgoal Vietnam 30 Sector Cap ETF	10.5	USD	1.3	-4.2%	39.0%	37.9%	0.00	0.00	-12.29	-14.51	-14.70
Premia Vietnam ETF	5.7	HKD	84.8	0.3%	52.6%	48.5%	0.00	-0.66	-9.13	-9.13	-9.13
MAFN VN30 ETF	32.3	VND	22,646.5	-1.4%	40.1%	45.8%	-0.08	-0.35	-8.91	-5.96	6.18
SSIAM VNFIN LEAD ETF	19.0	VND	29,949.4	-4.0%	34.7%	39.7%	0.11	0.11	0.51	-4.53	-4.05
KIM Growth VNFINSELECT ETF	10.9	VND	17,193.0	-4.1%	31.2%	37.1%	0.00	0.00	-1.70	-4.57	-4.52
DCVFMVN Mid Cap ETF	13.3	VND	14,073.7	-1.0%	22.5%	25.4%	0.00	-1.06	-2.17	-3.02	-3.02
MAFM VNDIAMOND ETF	12.5	VND	15,922.8	-3.0%	13.3%	18.8%	0.00	-0.12	-1.49	-2.23	-6.05
KIM Growth VN30 ETF	91.6	VND	12,573.5	-1.2%	41.7%	45.1%	-0.51	-1.57	-1.92	-3.53	-2.18
KIM Growth VN DIAMOND ETF	2.9	VND	14,040.5	-4.0%	11.5%	15.6%	0.00	0.00	-1.33	-1.61	-1.61
SSIAM VNX50 ETF	5.2	VND	27,379.8	-3.6%	41.8%	43.2%	0.00	0.00	-0.21	-1.23	-1.23
SSIAM VN30 ETF	7.9	VND	23,316.3	-3.0%	41.0%	42.7%	0.09	0.27	0.10	-0.85	-0.85
Global X MSCI Vietnam ETF	24.3	USD	22.5	-1.3%	48.1%	46.0%	0.00	1.70	4.63	6.93	6.93
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF Synth	264.3	KRW	29,633.3	-0.1%	32.6%	43.3%	0.00	0.00	46.00	46.00	43.19
	2,230.1						0.85	-8.13	-169.13	-470.50	-495.53

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Dòng tiền ròng theo nhóm cổ phiếu (% tăng/giảm vs tuần trước)

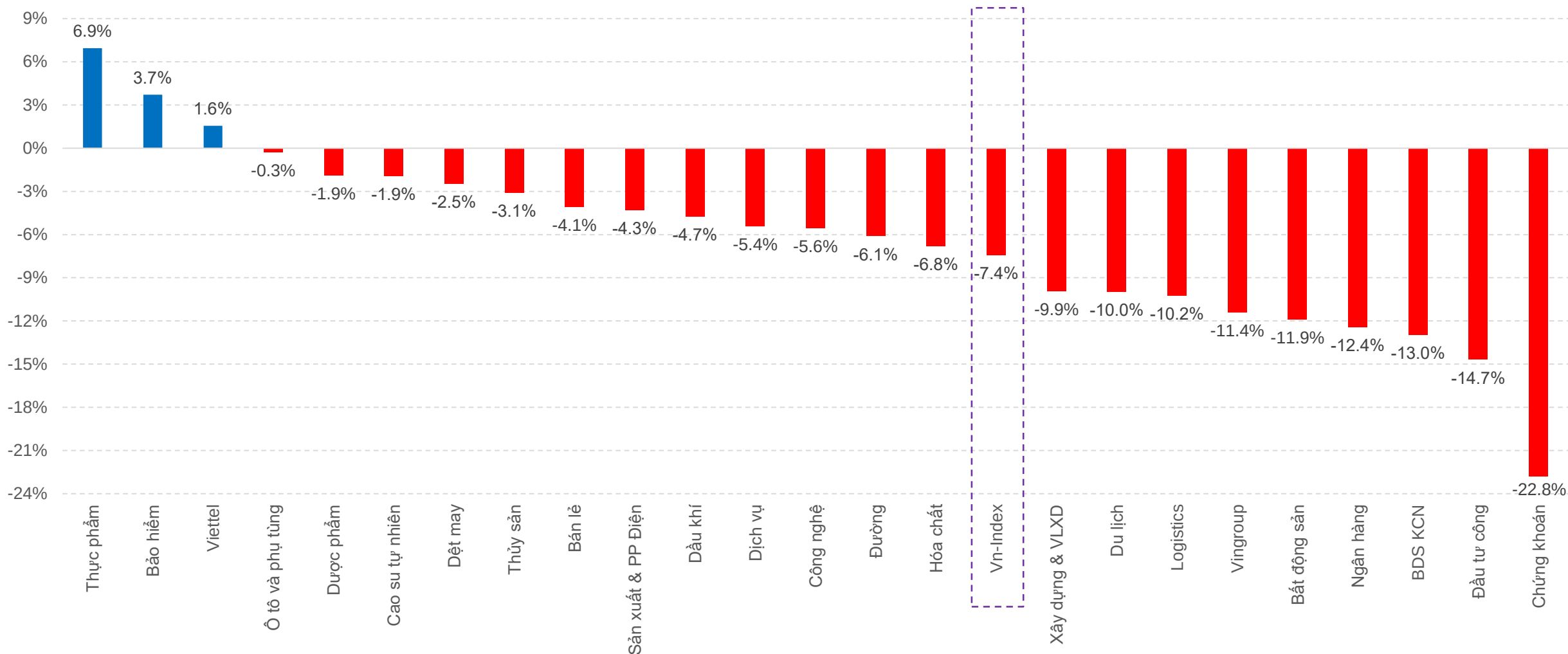
	11/14/2025	11/07/2025	10/31/2025	10/24/2025	10/17/2025
Dầu khí	-23.1%	112.5%	3.0%	-29.5%	29.6%
Ngân hàng	-26.7%	-0.4%	-35.9%	-14.0%	17.9%
Chứng khoán	-20.7%	3.3%	-33.3%	0.1%	8.7%
Bất động sản	-27.9%	-8.1%	-44.2%	-12.8%	101.3%
Dệt may	37.7%	-14.5%	66.3%	-18.0%	23.4%
Bán lẻ	-31.1%	-1.9%	-32.9%	15.1%	1.8%
Vingroup	-10.7%	-29.0%	-4.7%	-35.5%	59.7%
Xây dựng & VLXD	-20.1%	20.3%	-41.9%	-12.7%	11.0%
Thực phẩm	-5.3%	36.5%	-56.6%	3.5%	63.8%
Thủy sản	-39.7%	2.4%	35.8%	-24.8%	-8.1%
Logistics	-15.2%	-14.1%	24.4%	0.4%	27.2%
Dược phẩm	-8.3%	25.7%	-3.7%	33.3%	-31.4%
Sản xuất & PP Điện	-14.3%	-14.5%	5.1%	-4.1%	41.3%
Đầu tư công	-43.2%	7.6%	-42.1%	-16.8%	28.7%
Hóa chất	2.6%	6.4%	-1.7%	-10.4%	51.4%
Cao su tự nhiên	-39.8%	-5.1%	106.9%	25.6%	27.2%
Bảo hiểm	-46.6%	114.2%	10.5%	-16.5%	36.4%
Ô tô và phụ tùng	-34.8%	3.2%	-25.9%	-30.2%	6.8%
Dịch vụ	-15.7%	-19.5%	-8.3%	1.8%	129.3%
BDS KCN	-23.9%	3.9%	-16.3%	-28.5%	81.4%
Viettel	-36.5%	-8.3%	6.7%	182.6%	61.7%
Du lịch	-54.8%	27.1%	-0.2%	-19.6%	16.7%
Công nghệ	-43.9%	-17.1%	2.2%	34.5%	65.3%
Đường	11.8%	-4.9%	-25.4%	-8.0%	-2.6%

Cơ cấu thanh khoản theo nhóm cổ phiếu (Theo tuần)

	11/14/2025	11/07/2025	10/31/2025	10/24/2025	10/17/2025
Dầu khí	4.6%	4.6%	2.1%	1.5%	1.9%
Ngân hàng	18.4%	19.4%	19.4%	21.2%	22.3%
Chứng khoán	20.1%	19.6%	18.8%	19.8%	17.9%
Bất động sản	12.1%	12.9%	14.0%	17.6%	18.2%
Dệt may	0.7%	0.4%	0.4%	0.2%	0.2%
Bán lẻ	3.3%	3.7%	3.7%	3.9%	3.1%
Vingroup	8.2%	7.0%	9.9%	7.3%	10.2%
Xây dựng & VLXD	6.3%	6.1%	5.0%	6.1%	6.3%
Thực phẩm	6.3%	5.1%	3.7%	6.0%	5.3%
Thủy sản	0.6%	0.8%	0.7%	0.4%	0.5%
Logistics	3.2%	2.9%	3.3%	1.9%	1.7%
Dược phẩm	0.3%	0.3%	0.2%	0.1%	0.1%
Sản xuất & PP Điện	1.1%	1.0%	1.2%	0.8%	0.7%
Đầu tư công	1.4%	1.9%	1.7%	2.1%	2.3%
Hóa chất	3.2%	2.4%	2.2%	1.6%	1.6%
Cao su tự nhiên	0.2%	0.2%	0.2%	0.1%	0.1%
Bảo hiểm	0.3%	0.4%	0.2%	0.1%	0.1%
Ô tô và phụ tùng	0.3%	0.4%	0.4%	0.4%	0.5%
Dịch vụ	2.5%	2.3%	2.8%	2.1%	1.9%
BDS KCN	1.7%	1.8%	1.7%	1.4%	1.8%
Viettel	1.2%	1.5%	1.6%	1.1%	0.3%
Du lịch	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
Công nghệ	3.9%	5.3%	6.4%	4.4%	3.0%
Đường	0.2%	0.1%	0.1%	0.1%	0.1%

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

Chỉ số Vn-Index hiện giảm gần -9% so với đỉnh 1.800 điểm hoặc -7,4% theo giá đóng cửa, nhưng một số nhóm cổ phiếu được nhà đầu tư giao dịch nhiều nhưng giảm khá mạnh như: Chứng khoán, Bất động sản, Ngân hàng.



Nguồn: MBS Research

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Mức chiết khấu của nhóm cổ phiếu Ngân hàng so với mức đỉnh 52 tuần (1 năm) và mức đỉnh khi Vn-Index gần ngưỡng 1.800 điểm

STT	MCK	Giá đóng cửa (14/11)	% giảm từ đỉnh 1 năm (52 tuần)	% giảm từ đỉnh (Vn- Index ~1.800)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
	VNINDEX	1635.46	-8.9	-8.9	2.3	-7.1	29.1
1	EIB	21.35	-32.5	-22.1	-0.5	-19.4	10.6
2	SSB	17.00	-28.6	-12.6	-1.2	-12.4	1.5
3	VPB	27.80	-28.5	-19.8	1.1	-14.5	48.7
4	NVB	13.80	-28.1	-16.9	1.5	-5.5	55.1
5	VAB	10.95	-26.5	-11.3	-0.5	-2.7	75.9
6	VIB	18.50	-25.4	-10.2	1.1	-7.5	11.2
7	BVB	13.40	-24.3	-8.8	0.8	-5.6	17.4
8	MSB	12.05	-22.9	-12.7	-0.4	-9.1	24.1
9	BAB	12.60	-22.7	-8.0	0.0	-6.0	14.3
10	TPB	16.95	-22.0	-11.8	2.7	-7.4	14.6
11	STB	48.05	-21.6	-21.6	-0.6	-20.7	30.2
12	KLB	15.50	-21.3	-16.2	2.0	-1.3	117.4
13	MBB	23.50	-20.3	-15.5	0.9	-13.1	43.7
14	OCB	12.30	-20.1	-10.6	1.2	-5.0	22.8
15	NAB	14.30	-17.3	-5.6	-0.7	-3.7	12.2

STT	MCK	Giá đóng cửa (14/11)	% giảm từ đỉnh 1 năm (52 tuần)	% giảm từ đỉnh (Vn- Index ~1.800)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
	VNINDEX	1635.46	-8.9	-8.9	2.3	-7.1	29.1
16	TCB	35.10	-16.43	-16.43	6.4	-14.0	46.2
17	SGB	13.00	-16.13	-5.80	0.8	-2.3	3.2
18	SHB	16.35	-15.94	-11.38	6.9	-9.2	107.6
19	ACB	24.95	-15.42	-8.27	0.2	-5.1	15.7
20	PGB	12.90	-14.57	-14.57	1.6	-1.9	17.1
21	VCB	60.00	-14.46	-6.83	1.2	-4.9	-0.9
22	BID	38.35	-14.02	-6.56	2.3	-3.2	3.3
23	CTG	48.55	-13.45	-13.45	-0.9	-10.8	29.4
24	HDB	29.85	-13.10	-13.10	-0.5	-8.6	17.1
25	VBB	11.30	-11.31	-12.40	0.9	0.1	46.9
26	LPB	49.90	-8.78	-8.27	1.2	-3.1	71.4
27	ABB	13.90	-2.80	-0.71	9.5	9.5	87.8

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



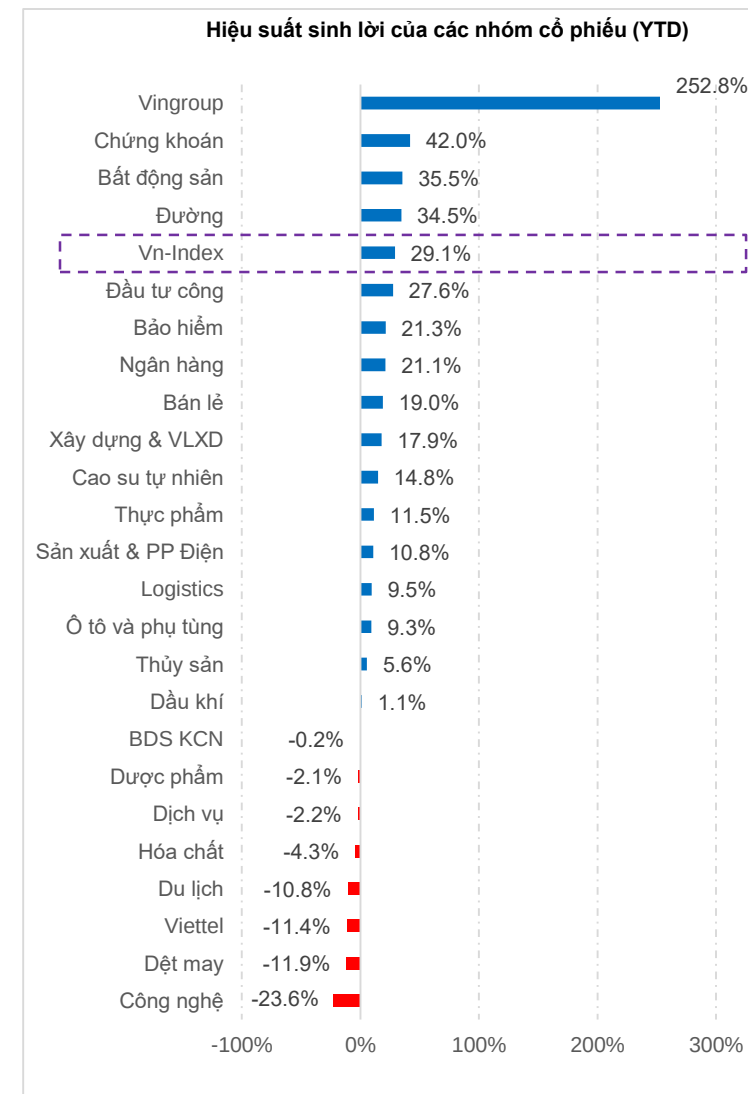
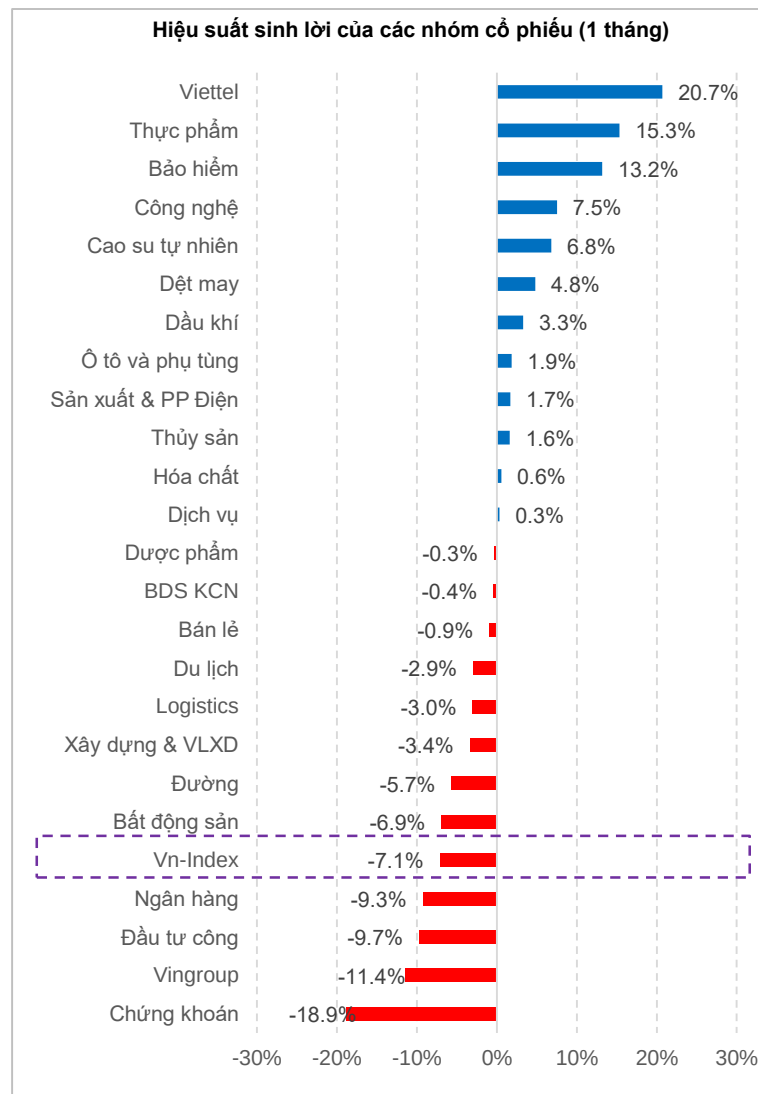
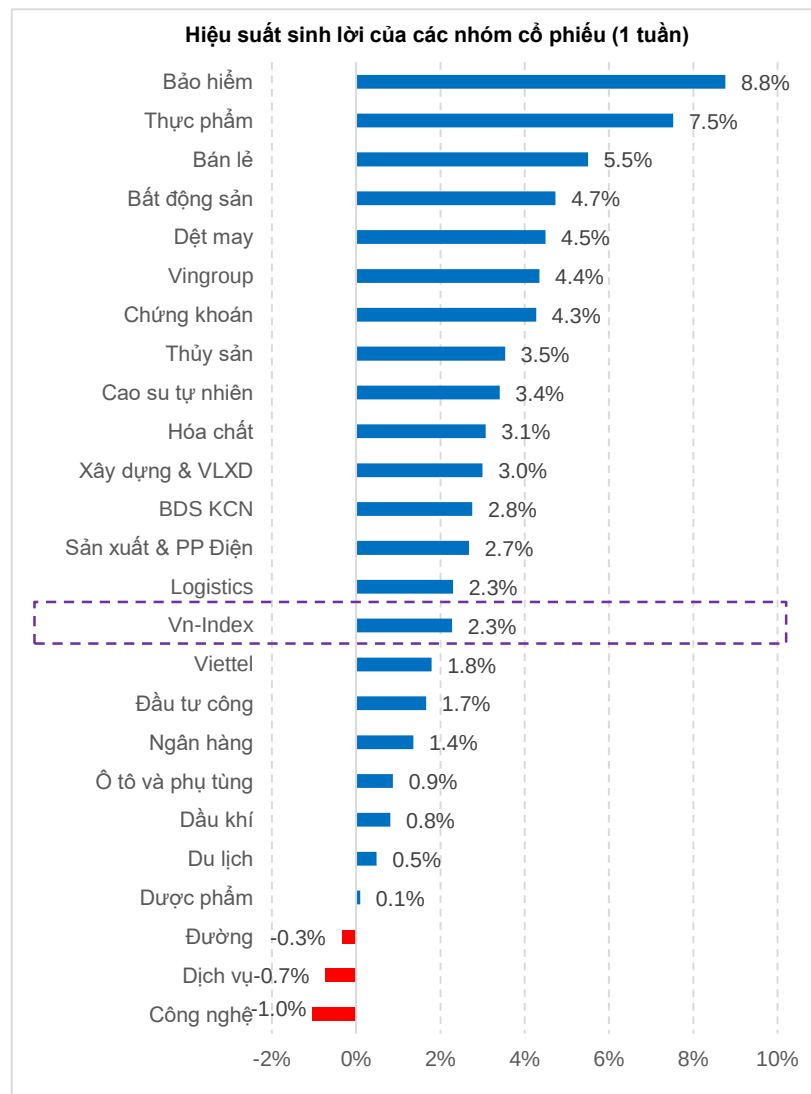
Mức chiết khấu của nhóm cổ phiếu Chứng khoán và BĐS so với mức đỉnh 52 tuần (1 năm) và mức đỉnh khi Vn-Index gần ngưỡng 1.800 điểm

STT	MCK	Giá đóng cửa (14/11)	% giảm từ đỉnh 1 năm (52 tuần)	% giảm từ đỉnh (Vn-Index ~1.800)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
	VNINDEX	1635.46	-8.9	-8.9	2.3	-7.1	29.1
1	VIX	25.80	-36.2	-36.2	5.3	-34.0	175.6
2	BSI	41.45	-28.9	-11.2	2.4	-7.6	-6.2
3	VND	19.65	-28.2	-20.0	4.0	-15.9	60.9
4	FTS	33.70	-28.0	-7.7	1.5	-4.5	-11.0
5	VCI	35.75	-27.7	-20.8	-0.7	-16.9	8.5
6	MBS	30.10	-27.2	-16.2	5.6	-12.8	20.1
7	TCI	10.05	-25.8	-15.6	-0.5	-10.7	12.9
8	HCM	22.60	-25.7	-19.4	3.2	-16.1	-0.6
9	ABW	10.40	-25.2	-8.8	3.0	-5.5	23.8
10	BVS	33.00	-24.9	-10.8	1.5	-9.4	-8.7
11	SHS	22.60	-24.7	-19.9	5.6	-16.0	108.7
12	CTS	35.35	-24.6	-24.3	0.7	-19.1	42.5
13	TVS	16.75	-24.1	-10.7	0.3	-5.9	-7.3
14	AGR	15.80	-24.0	-11.7	2.3	-8.9	-1.3
15	SSI	34.95	-19.3	-19.3	6.1	-14.8	37.6
16	APG	11.05	-17.8	-7.9	-0.9	-6.8	65.7
17	ORS	14.10	-17.1	-13.5	0.7	-3.1	0.4

STT	MCK	Giá đóng cửa (14/11)	% giảm từ đỉnh 1 năm (52 tuần)	% giảm từ đỉnh (Vn-Index ~1.800)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
	VNINDEX	1635.46	-8.9	-8.9	2.3	-7.1	29.1
1	L14	31.90	-34.2	-14.9	3.6	-9.4	-11.9
2	SJS	60.70	-28.4	-14.9	0.3	-8.5	112.3
3	AGG	16.00	-27.6	-15.3	1.9	-9.6	3.9
4	NVL	14.15	-26.7	-16.5	8.9	-8.7	38.1
5	HDC	28.00	-25.8	-25.8	-2.0	-22.0	25.2
6	CEO	25.80	-21.6	-21.6	8.4	-15.1	105.0
7	DXG	19.25	-21.4	-18.1	1.9	-6.1	50.8
8	CII	25.15	-19.8	-19.8	10.3	-15.5	110.2
9	NTL	18.10	-19.6	-15.8	1.1	-2.4	-1.4
10	TCH	21.30	-18.9	-18.9	1.4	-13.8	63.1
11	DIG	20.45	-18.5	-18.5	3.8	-9.5	25.1
12	NLG	37.20	-18.5	-7.4	-1.2	2.3	12.5
13	PDR	22.20	-18.4	-17.8	5.0	-10.8	15.9
14	IJC	12.45	-15.0	-11.4	3.8	-6.7	9.3
15	TAL	45.00	-11.4	-11.4	7.1	-10.2	134.3
16	HDG	32.70	-10.2	-10.2	8.3	-2.1	26.3
17	KDH	34.65	-9.06	-4.94	6.6	8.6	5.7

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

Hiệu suất các nhóm cổ phiếu (1 tuần, 1 tháng và từ đầu năm)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



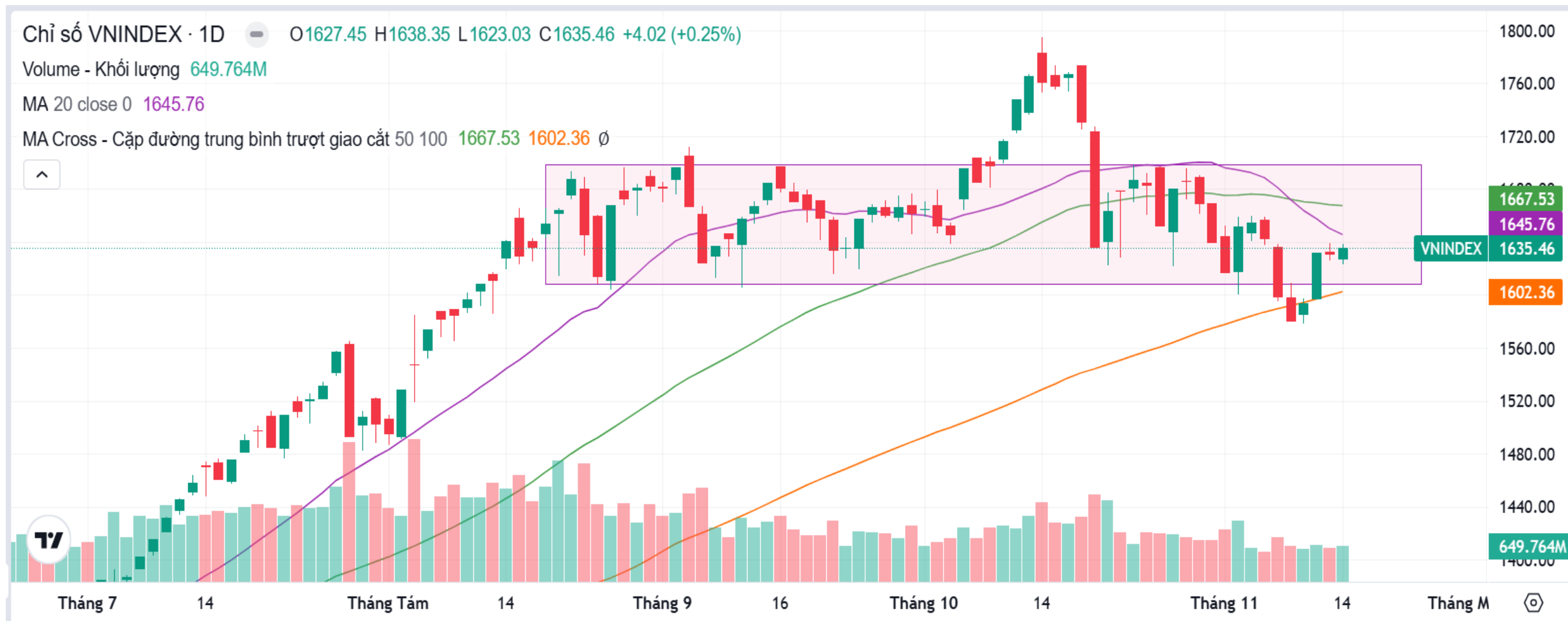
Hiệu suất của Top 30 cổ phiếu có thanh khoản bình quân 50 phiên lớn nhất thị trường

STT	MCK	Giá đóng cửa (14/11)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Tỷ VND)
	VNINDEX	1635.46	2.3	-7.1	29.1	
1	SSI	34.95	6.1	-14.8	37.6	1,522
2	SHB	16.35	6.9	-9.2	107.6	1,520
3	HPG	26.90	3.3	-5.1	21.2	1,437
4	VIX	25.80	5.3	-34.0	175.6	1,311
5	FPT	100.00	-1.0	8.2	-24.0	1,065
6	VPB	27.80	1.1	-14.5	48.7	998
7	MSN	78.00	1.6	-5.5	11.4	818
8	GEX	45.10	2.6	-23.3	156.6	773
9	MBB	23.50	0.9	-13.1	43.7	758
10	CII	25.15	10.3	-15.5	110.2	693
11	VIC	211.00	5.7	-0.4	420.4	691
12	VHM	93.90	2.1	-26.1	134.8	676
13	TCB	35.10	6.4	-14.0	46.2	655
14	MWG	81.40	6.4	-3.3	35.4	636
15	SHS	22.60	5.6	-16.0	108.7	596

STT	MCK	Giá đóng cửa (14/11)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Tỷ VND)
16	CEO	25.80	8.4	-15.1	105.0	575
17	VND	19.65	4.0	-15.9	60.9	563
18	DXG	19.25	1.9	-6.1	50.8	541
19	HDB	29.85	-0.5	-8.6	17.1	535
20	CTG	48.55	-0.9	-10.8	29.4	489
21	STB	48.05	-0.6	-20.7	30.2	478
22	PDR	22.20	5.0	-10.8	15.9	442
23	DIG	20.45	3.8	-9.5	25.1	440
24	VRE	32.10	2.4	-24.9	87.2	410
25	VJC	176.40	-0.9	15.7	76.4	376
26	VCI	35.75	-0.7	-16.9	8.5	371
27	ACB	24.95	0.2	-5.1	15.7	363
28	VCG	24.10	2.8	-12.7	48.7	303
29	VCB	60.00	1.2	-4.9	-0.9	301
30	TPB	16.95	2.7	-7.4	14.6	292

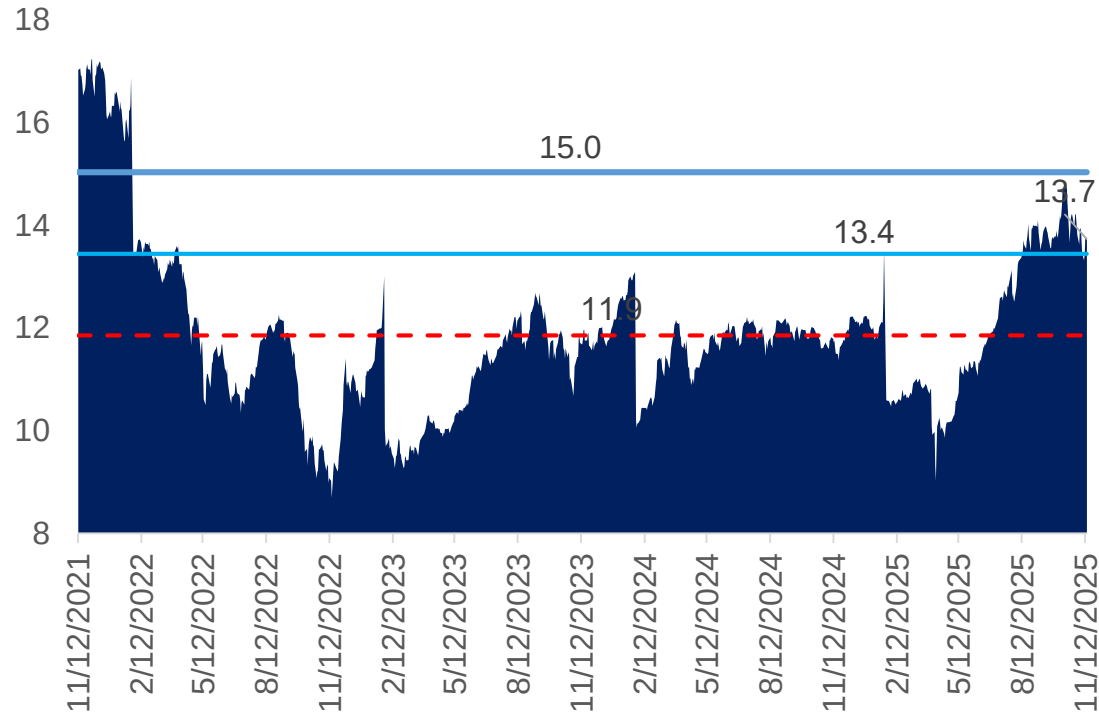
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

Yếu tố mùa vụ ủng hộ phục hồi ngắn hạn, vùng 1.600 – 1.620 điểm là “vùng tích lũy chiến lược” – chỉ số Vn-Index đã lấy lại ngưỡng MA100 (theo ngày). Vùng 1.600 – 1.620 điểm hiện hội tụ: Đáy cũ tháng 8-9 (hỗ trợ tâm lý) cùng MA100, bên cạnh đó vùng tích lũy 3 tháng với 3 lần test thành công



Định giá thị trường: Hệ số P/E dự phóng của thị trường Việt Nam và thị trường mới nổi trong vòng 5 năm qua (ttm, lần)

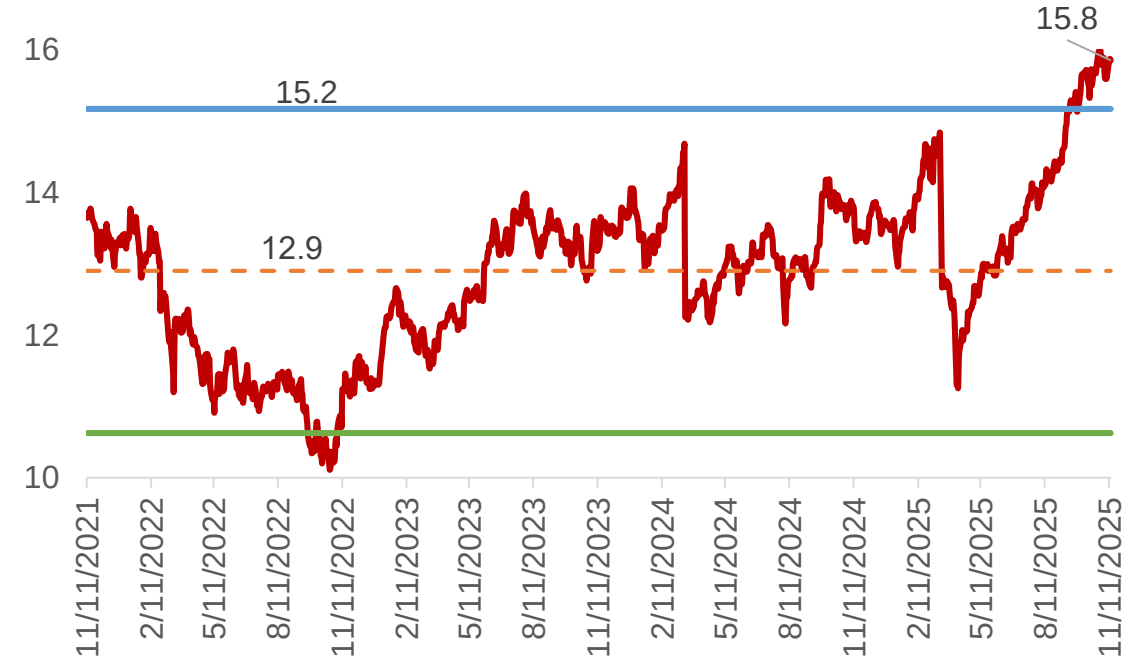
Hệ số P/E dự phóng (lần) trong vòng 5 năm qua của TTCKVN



■ P/E Forward
--- Trung bình
— Trung bình + 1* Độ lệch chuẩn
— Trung bình + 2* Độ lệch chuẩn

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Hệ số P/E dự phóng (lần) trong vòng 5 năm qua của thị trường mới nổi (Emerging)



— P/E Forward
--- Trung bình
— Trung bình + 2* Độ lệch chuẩn
— Trung bình - 2* Độ lệch chuẩn

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Nhận định thị trường: Theo yếu tố mùa vụ, tháng 11 là tháng có hiệu suất tốt thứ hai trong năm

	Jan	Feb	Mar	Apr	May	Jun	Jul	Aug	Sep	Oct	Nov	Dec
10 Yr Avg	2.47	1.98	-1.51	.18	1.88	.65	1.29	1.79	-.54	-1.13	2.28	1.19
2025	-.14	3.19	.11	-6.16	8.67	3.26	9.19	11.96	-1.22	-1.33	-.26	
2024	3.04	7.59	2.50	-5.81	4.32	-1.30	.50	2.59	.32	-1.82	-1.11	1.31
2023	10.34	-7.78	3.90	-1.46	2.48	4.19	9.17	.09	-5.71	-10.91	6.41	3.27
2022	-1.29	.76	.14	-8.40	-5.42	-7.36	.73	6.15	-11.59	-9.20	1.99	-3.94
2021	-4.28	10.59	1.97	4.02	7.15	6.06	-6.99	1.64	.80	7.62	2.37	1.34
2020	-2.54	-5.81	-24.90	16.09	12.40	-4.55	-3.24	10.43	2.67	2.24	8.39	10.05
2019	2.03	6.02	1.58	-.11	-2.02	-1.04	4.39	-.77	1.27	.23	-2.81	-1.01
2018	12.81	1.01	4.72	-10.58	-7.52	-1.08	-.46	3.47	2.79	-10.06	1.29	-3.67
2017	4.87	1.94	1.62	-.63	2.80	5.24	.91	-.10	2.77	4.08	13.45	3.61
2016	-5.83	2.59	.33	6.62	3.35	2.23	3.16	3.43	1.65	-1.45	-1.59	-.03
2015	5.58	2.86	-6.99	2.04	1.27	4.12	4.72	-9.07	-.37	7.95	-5.63	1.02

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng

Vĩ mô & Chiến lược thị trường

Ngô Quốc Hưng

Nghiêm Phú Cường

Đinh Hà Anh

Võ Đức Anh

Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính

Đinh Công Luyện

Bất động sản

Nguyễn Minh Đức

Lê Hải Thành

Dịch vụ - Tiêu dùng

Nguyễn Quỳnh Ly

Công nghiệp – Năng Lượng

Phạm Thị Thanh Huyền

Nguyễn Hà Đức Tùng